

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH**  
**NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND THÀNH PHỐ QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ THẨM QUYỀN,**  
**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**  
**ĐỂ TỔ CHỨC THI HÀNH LUẬT THỦ ĐÔ**

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	<b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b>	
	<p>Nghị quyết này quy định:</p> <ol style="list-style-type: none"><li>Về việc xác định thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 8 của Luật Thủ đô năm 2026(sau đây gọi là Luật Thủ đô).</li><li>Chi tiết khoản 3 Điều 8 của Luật Thủ đô.</li><li>Trình tự, thủ tục ban hành nghị quyết để quyết định lựa chọn áp dụng pháp luật theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật Thủ đô.</li></ol>	<p>Quy định này nhằm xác định rõ phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết, tập trung cụ thể hóa khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 8 của Luật Thủ đô về thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố trong việc xác định thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy định trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật có nội dung đặc thù, khác hoặc chưa được quy định tại pháp luật trung ương, đồng thời thiết lập trình tự, thủ tục ban hành nghị quyết để quyết định lựa chọn áp dụng pháp luật theo khoản 3 Điều 5 của Luật Thủ đô.</p>
	<b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b>	
	<ol style="list-style-type: none"><li>Cơ quan chủ trì xây dựng chính sách, soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</li></ol>	<p>Quy định đối tượng áp dụng của Nghị quyết, bao quát các chủ thể tham gia hoặc liên quan đến quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thi hành Luật Thủ đô; trong đó xác định cơ quan chủ trì là chủ thể trung tâm, đồng thời bảo đảm sự phối hợp thống nhất của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.</p>
	<ol style="list-style-type: none"><li>Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.</li></ol>	

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	<b>Điều 3. Nguyên tắc xây dựng và ban hành văn bản</b>	
	Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Nghị quyết này phải bảo đảm nguyên tắc sau: 1. Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng.	Điều 3 quy định các nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật triển khai thi hành Luật Thủ đô nhằm bảo đảm tính định hướng chính trị, tính hợp hiến, hợp pháp và hiệu quả trong tổ chức thi hành Luật Thủ đô.
	2. Tuân thủ quy định của Luật Thủ đô; quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Trước hết, nguyên tắc bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng thể hiện sự quán triệt các chủ trương, định hướng lớn trong phát triển Thủ đô.
	3. Bảo đảm sự tham gia của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, các cơ quan, tổ chức liên quan trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.	Nguyên tắc tuân thủ quy định của Luật Thủ đô và pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm sự thống nhất của hệ thống pháp luật, đồng thời cụ thể hóa các yêu cầu tại Điều 4 và Điều 8 của Luật Thủ đô về phân quyền, kiểm soát quyền lực và trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản.
	4. Bảo đảm quốc phòng, an ninh; kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; phòng, chống lợi ích nhóm, cục bộ.	Việc bảo đảm sự tham gia của đối tượng chịu tác động và các cơ quan, tổ chức có liên quan là sự cụ thể hóa quy định tại khoản 3 Điều 8 của Luật Thủ đô về tham vấn, lấy ý kiến trong quá trình xây dựng văn bản.
	5. Bảo đảm nội dung quy định phải rõ về thẩm quyền, rõ về nội dung, thời hạn, trách nhiệm kiểm tra, giám sát, trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện.	Nguyên tắc về bảo đảm quốc phòng, an ninh; kiểm soát quyền lực; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; phòng, chống lợi ích nhóm phù hợp với yêu cầu tại Điều 4 của Luật Thủ đô về bảo đảm quản trị minh bạch, hiệu quả, không phương hại đến lợi ích quốc gia.  Đồng thời, yêu cầu quy định rõ thẩm quyền, nội dung, thời hạn, trách nhiệm kiểm tra, giám sát và giải trình là nội dung cụ thể hóa cơ chế kiểm soát, đánh giá và trách nhiệm giải trình trong tổ chức thi hành văn bản theo tinh thần của Luật Thủ đô.

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
		Quy định này tạo khung nguyên tắc thống nhất, làm nền tảng để triển khai các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội của Thủ đô một cách chặt chẽ, minh bạch và khả thi.”
	<b>Chương II</b> <b>QUY ĐỊNH CỤ THỂ</b>	
	<b>Điều 4. Thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật</b>	
	Thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 8 của Luật Thủ đô được xác định như sau: 1. Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành văn bản quy phạm pháp luật để:	Quy định tại khoản 1 Điều 4 của dự thảo Nghị quyết được xây dựng nhằm cụ thể hóa khoản 2 Điều 8 Luật Thủ đô, theo đó trao quyền cho chính quyền Thành phố chủ động ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong một số trường hợp đặc thù khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền Thành phố.
	a) Điều chỉnh trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thành phố;	Trên cơ sở đó, việc xác định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố được lý giải như sau: Thứ nhất, đối với điểm a, quy định HĐND Thành phố được ban hành văn bản để điều chỉnh trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đã được quy định trong văn bản của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhằm bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn quản lý của Thủ đô.
	b) Quy định biện pháp đặc thù phù hợp với yêu cầu phát triển Thủ đô để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội mà khác hoặc chưa có quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.	Quy định này nhằm thể chế hóa chủ trương đầy mạnh phân quyền, cải cách thủ tục hành chính, cho phép Thành phố linh hoạt điều chỉnh cách thức thực hiện thủ tục hành chính trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao, nhưng không làm phát sinh điều kiện, thủ tục mới gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp. Đồng thời, đây cũng là cơ sở pháp lý để Hà Nội phát huy tính chủ

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
		<p>động, sáng tạo trong tổ chức bộ máy và vận hành nền hành chính đô thị đặc thù của Thủ đô.</p> <p>Thứ hai, đối với điểm b, quy định HĐND Thành phố được ban hành văn bản để quy định các biện pháp đặc thù nhằm tổ chức, hướng dẫn thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội trong trường hợp khác hoặc chưa có quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Quy định này xuất phát từ yêu cầu thực tiễn là Thủ đô có vị trí, vai trò đặc biệt, cần có các cơ chế, chính sách linh hoạt, vượt trội, kịp thời để xử lý các vấn đề phát sinh mà hệ thống pháp luật hiện hành chưa điều chỉnh đầy đủ. Việc giao thẩm quyền cho HĐND Thành phố trong trường hợp này nhằm bảo đảm tính chủ động của Thành phố, rút ngắn thời gian chờ hướng dẫn từ Trung ương, đồng thời vẫn bảo đảm nguyên tắc không trái Hiến pháp, không làm ảnh hưởng đến tính thống nhất của hệ thống pháp luật.</p>
	2. Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành văn bản quy phạm pháp luật đề:	Quy định tại khoản 2 Điều 4 của dự thảo Nghị quyết được xây dựng nhằm cụ thể hóa khoản 2 Điều 8 Luật Thủ đô, đồng thời làm rõ vai trò, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn.
	a) Điều chỉnh trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý, Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý;	Theo đó, Ủy ban nhân dân Thành phố được trao thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đã được quy định trong các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ, nhằm phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, cơ quan chuyên môn, tổ

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	<p>b) Quy định biện pháp đặc thù phù hợp với yêu cầu phát triển Thủ đô để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội mà khác hoặc chưa có quy định của bộ, cơ quan ngang bộ.</p>	<p>chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý, Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã. Quy định này xuất phát từ yêu cầu thực tiễn khi Ủy ban nhân dân là cơ quan trực tiếp tổ chức thực hiện thủ tục hành chính, nắm rõ điều kiện vận hành của bộ máy và nhu cầu của người dân, doanh nghiệp. Việc cho phép điều chỉnh trong phạm vi này sẽ tạo điều kiện để Thành phố chủ động đơn giản hóa quy trình, rút ngắn thời gian giải quyết, nâng cao chất lượng phục vụ, đồng thời thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính. Tuy nhiên, để bảo đảm tính thống nhất trong phân công thẩm quyền, dự thảo cũng quy định rõ việc loại trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.</p> <p>Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân Thành phố còn được ban hành văn bản quy phạm pháp luật để quy định các biện pháp đặc thù phục vụ việc tổ chức, hướng dẫn thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội trong trường hợp khác hoặc chưa có quy định của bộ, cơ quan ngang bộ. Quy định này nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn quản lý trong bối cảnh các hướng dẫn của trung ương có thể chưa kịp thời hoặc chưa bao quát hết các vấn đề đặc thù của Thủ đô. Việc trao quyền cho Ủy ban nhân dân Thành phố trong trường hợp này giúp bảo đảm tính chủ động, linh hoạt trong điều hành, kịp thời tháo gỡ vướng mắc phát sinh, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn.</p>
	<p>3. Trong trường hợp được giao thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật, Chủ</p>	<p>Quy định tại khoản 3 Điều 4 của dự thảo Nghị quyết được xây dựng nhằm làm rõ vai trò của Chủ tịch Ủy ban</p>

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	<p>tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quy định biện pháp đặc thù phù hợp với yêu cầu phát triển Thủ đô để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội mà khác hoặc chưa có quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ.</p>	<p>nhân dân Thành phố trong trường hợp được cơ quan nhà nước ở trung ương giao thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>Theo đó, trong trường hợp được giao thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được ban hành các quy định để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, bao gồm cả việc quy định các biện pháp đặc thù phù hợp với yêu cầu phát triển của Thủ đô trong trường hợp khác hoặc chưa có quy định của cơ quan trung ương.</p> <p>Khi được giao thẩm quyền, việc cho phép Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chủ động ban hành các biện pháp phù hợp sẽ giúp rút ngắn quy trình xử lý, nâng cao khả năng phản ứng chính sách trước các vấn đề phát sinh trong thực tiễn, hoặc cần quyết định nhanh.</p> <p>Đồng thời, quy định này cũng thể hiện rõ nguyên tắc phân định thẩm quyền gắn với trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu, bảo đảm việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao không bị gián đoạn, chòng chéo giữa các cấp, các cơ quan. Việc giới hạn trong phạm vi “được giao thẩm quyền” cũng nhằm bảo đảm tính hợp pháp, hợp hiến và sự thống nhất của hệ thống pháp luật, tránh việc mở rộng thẩm quyền một cách tùy tiện.</p>
	<p>4. Trường hợp không xác định được thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều này, Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 8 của Luật Thủ đô.</p>	<p>Quy định tại khoản 4 Điều 4 của dự thảo Nghị quyết được xây dựng nhằm xử lý các trường hợp phát sinh trong thực tiễn mà không thể xác định rõ thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật giữa các chủ thể đã được quy định tại Điều này, qua đó bảo đảm không làm gián đoạn hoạt động quản lý nhà nước trên địa bàn Thủ đô.</p>

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
		<p>Theo đó, trong trường hợp không xác định được cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản, Hội đồng nhân dân Thành phố được xác định là chủ thể có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo khoản 2 Điều 8 Luật Thủ đô. Quy định này xuất phát từ vị trí, vai trò của Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, có chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương và ban hành các quy định mang tính chính sách, định hướng.</p> <p>Việc quy định “thẩm quyền dự phòng” cho Hội đồng nhân dân Thành phố có ý nghĩa bảo đảm tính thống nhất, minh bạch và thông suốt trong hệ thống thẩm quyền, tránh tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm hoặc khoảng trống pháp lý khi triển khai các cơ chế, chính sách đặc thù của Thủ đô. Đồng thời, cách thiết kế này cũng phù hợp với nguyên tắc bảo đảm kiểm soát quyền lực, bởi trong trường hợp chưa rõ thẩm quyền, việc giao cho cơ quan quyền lực nhà nước quyết định sẽ bảo đảm tính thận trọng, chặt chẽ và có sự giám sát cao hơn.</p> <p>Bên cạnh đó, quy định này còn góp phần bảo đảm việc thực hiện khoản 2 Điều 8 Luật Thủ đô được linh hoạt nhưng vẫn trong khuôn khổ pháp luật, tạo cơ sở để Thành phố kịp thời ban hành các quy định cần thiết phục vụ yêu cầu phát triển mà không phải chờ đợi hướng dẫn bổ sung.</p>
<p>Điểm a, b khoản 3 Điều 8 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 quy định: “3. Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều này thực hiện theo quy</p>	<p><b>Điều 5. Nội dung tờ trình đăng ký xây dựng văn bản, tờ trình dự thảo văn bản</b></p>	

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
<p><i>định sau:</i></p> <p>a) <i>Đánh giá sự cần thiết, tính cân đối, hợp lý của việc cần phải ban hành văn bản để quy định khác với văn bản của cơ quan nhà nước ở trung ương hoặc chưa có quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ; xác định rõ mục tiêu và dự kiến kết quả cần đạt được khi ban hành văn bản; cơ chế kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình (nếu có);</i></p> <p>b) <i>Đánh giá sự phù hợp của văn bản với quy định tại Điều 4 của Luật này;</i>”</p>		
	<p>Tờ trình đăng ký xây dựng văn bản, tờ trình dự thảo văn bản theo khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 8 của Luật Thủ đô gồm các nội dung theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các nội dung sau:</p>	<p>Quy định này bổ sung, làm rõ nội dung tờ trình đăng ký xây dựng văn bản và tờ trình dự thảo văn bản nhằm cụ thể hóa yêu cầu tại điểm a, b khoản 3 Điều 8 Luật Thủ đô.</p>
	<p>1. Sự cần thiết, tính khả thi của việc ban hành văn bản để quy định khác hoặc chưa có quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở trung ương.</p>	<p>Theo đó, bên cạnh các nội dung theo quy định chung của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy định này đặt ra yêu cầu tờ trình phải làm rõ sự cần thiết, tính khả thi của việc ban hành văn bản trong trường hợp quy định khác với văn bản của cơ quan nhà nước ở trung ương hoặc đối với những vấn đề chưa được quy định; đồng thời xác định rõ mục tiêu và dự kiến kết quả đạt được khi ban hành văn bản. Đây là nội dung trực tiếp cụ thể hóa yêu cầu đánh giá về tính cần thiết, tính hợp lý và mục tiêu chính sách theo Luật Thủ đô.</p>
	<p>2. Xác định rõ mục tiêu và dự kiến kết quả cần đạt được khi ban hành văn bản.</p>	
	<p>3. Đánh giá tổng thể về sự phù hợp của văn bản với nguyên tắc quy định tại Điều 4 của Luật Thủ đô;</p>	
	<p>4. Xác định nguồn lực bảo đảm thực hiện.</p>	<p>Bên cạnh đó, quy định yêu cầu đánh giá tổng thể sự phù</p>

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
		<p>hợp của văn bản với các nguyên tắc tại Điều 4 của Luật Thủ đô, qua đó bảo đảm việc ban hành các quy định đặc thù của Thủ đô vẫn tuân thủ các nguyên tắc về phân quyền, kiểm soát quyền lực, bảo đảm quyền con người, ổn định kinh tế vĩ mô và tính thống nhất của nền hành chính quốc gia. Đồng thời, việc xác định nguồn lực bảo đảm thực hiện nhằm nâng cao tính khả thi của chính sách, khắc phục tình trạng ban hành văn bản nhưng thiếu điều kiện triển khai trên thực tế, góp phần nâng cao chất lượng xây dựng chính sách, bảo đảm các cơ chế đặc thù, vượt trội của Luật Thủ đô được chuẩn bị kỹ lưỡng, có cơ sở thực tiễn và khả năng tổ chức thực hiện cao.</p>
	<p>2. Tờ trình đăng ký xây dựng nghị quyết thí điểm, tờ trình dự thảo nghị quyết thí điểm ngoài nội quy định tại khoản 1 Điều này còn phải đánh giá sự phù hợp của cơ chế, chính sách thí điểm với quy định tại khoản 2 Điều 9 của Luật Thủ đô.</p>	<p>Khoản 2 Điều 4 quy định yêu cầu đối với tờ trình đăng ký xây dựng và tờ trình dự thảo nghị quyết thí điểm, Việc bổ sung nội dung đánh giá này có ý nghĩa quan trọng trong việc kiểm soát từ sớm các rủi ro chính sách, bảo đảm các đề xuất thí điểm thực sự cần thiết, đúng định hướng và trong “giới hạn an toàn” mà Luật Thủ đô cho phép. Qua đó, nâng cao chất lượng thẩm định, thẩm tra và quyết định chính sách, đồng thời tạo cơ sở để các cơ chế thí điểm phát huy hiệu quả, có khả năng tổng kết, nhân rộng trong thực tiễn.</p>
<p>Điểm c khoản 3 Điều 8 Luật Thủ đô số 02/2026 quy định: “c) <i>Đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo văn bản;</i>”</p>	<p><b>Điều 6. Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo văn bản</b></p> <p>1. Đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo văn bản được thực hiện trong quá trình soạn thảo văn bản quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 8 của Luật Thủ đô.</p> <p>Báo cáo đánh giá tác động của chính sách được xây dựng và phải bảo đảm các nội dung theo quy định của pháp luật về</p>	<p>Điều 6 quy định cụ thể về Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo văn bản nhằm triển khai yêu cầu tại điểm c khoản 3 Điều 8 Luật Thủ đô. Theo đó, việc đánh giá tác động chính sách được thực hiện trong suốt quá trình soạn thảo văn bản và ngoài các nội dung theo quy định chung của pháp luật về ban hành</p>

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	<p>ban hành văn bản còn phải đánh giá những nội dung sau:</p> <p>a) Tác động đối với hệ thống pháp luật được đánh giá trên cơ sở phân tích về tính hợp hiến, sự phù hợp với Luật Thủ đô, tính cân đối, hợp lý với hệ thống pháp luật của chính sách; tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;</p> <p>b) Đánh giá về yêu cầu, sự phù hợp của việc phân định thẩm quyền giữa các cơ quan, đơn vị, phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn cho các cơ quan, đơn vị; tác động kinh tế, xã hội đối với vùng Thủ đô (nếu có); tác động, ảnh hưởng đến ổn định kinh tế vĩ mô, an toàn tài chính quốc gia, nguyên tắc thị trường;</p> <p>c) Đánh giá về việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân, công bằng xã hội, phát triển bền vững và giữ gìn bản sắc, giá trị văn hóa của Thủ đô, vùng Thủ đô;</p> <p>d) Đánh giá về việc bảo đảm việc vận hành nền hành chính quốc gia thống nhất, thông suốt, hiệu quả; bảo đảm tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gắn với trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền; bảo đảm cơ chế kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình (nếu có).</p>	<p>văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo Nghị quyết đã bổ sung các tiêu chí đánh giá mang tính đặc thù của Luật Thủ đô.</p> <p>Cụ thể, việc đánh giá tác động đối với hệ thống pháp luật nhằm bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, sự phù hợp với Luật Thủ đô và tính thống nhất, cân đối của hệ thống pháp luật, kể cả yêu cầu tương thích với các điều ước quốc tế. Đồng thời, yêu cầu đánh giá về phân định thẩm quyền, phân cấp, phân quyền và tác động kinh tế - xã hội, đặc biệt là tác động đến vùng Thủ đô, ổn định kinh tế vĩ mô, an toàn tài chính quốc gia và nguyên tắc thị trường, là nội dung cụ thể hóa nguyên tắc tại Điều 4 của Luật Thủ đô.</p> <p>Bên cạnh đó, quy định yêu cầu đánh giá về bảo đảm quyền con người, quyền công dân, công bằng xã hội, phát triển bền vững và gìn giữ giá trị văn hóa Thủ đô; đồng thời đánh giá tác động đối với việc vận hành nền hành chính quốc gia thống nhất, thông suốt, hiệu quả, gắn với yêu cầu công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Đây là các tiêu chí quan trọng nhằm bảo đảm các chính sách đặc thù của Thủ đô không chỉ mang tính đột phá mà còn nằm trong khuôn khổ kiểm soát chặt chẽ, an toàn hệ thống.</p>
	<p>2. Quy trình, phương pháp đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo văn bản được thực hiện theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p>	<p>Quy định về quy trình, phương pháp đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo văn bản được thực hiện theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Quy định này nhằm bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, tránh phát sinh thủ tục riêng, đồng thời kế thừa đầy đủ các quy định hiện hành</p>

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
		về trình tự, phương pháp đánh giá tác động chính sách.
<p>Điểm d khoản 3 Điều 8 Luật Thủ đô số 02/2026 quy định: “d) Thực hiện tham vấn dự thảo văn bản với cơ quan có thẩm quyền ở trung ương, cơ quan, tổ chức có liên quan, lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, truyền thông nội dung, đăng tải hồ sơ dự thảo văn bản và nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến tham vấn, góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với dự thảo văn bản;”</p>	<p><b>Điều 7. Tham vấn dự thảo văn bản</b></p> <p>1. Việc tham vấn dự thảo văn bản được thực hiện bằng hình thức hội nghị, hội thảo hoặc tham vấn bằng hình thức văn bản xin ý kiến trong quá trình soạn thảo văn bản quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 8 của Luật Thủ đô.</p> <p>Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổ chức hội nghị hoặc gửi văn bản đề tham vấn ý kiến của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, các chuyên gia, nhà khoa học, đối tượng hoặc tổ chức đại diện cho đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách, Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, tổ chức, cá nhân có liên quan.</p> <p>Trường hợp văn bản là nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố, cơ quan chủ trì soạn thảo phải tham vấn các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố có liên quan.</p> <p>2. Cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện tham vấn bằng hình thức hội nghị hoặc bằng hình thức văn bản để xin ý kiến tham vấn cơ quan, tổ chức ở Trung ương trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Khoản 1 Điều 7 quy định cụ thể hình thức và trách nhiệm tham vấn dự thảo văn bản nhằm triển khai yêu cầu tại điểm d khoản 3 Điều 8 Luật Thủ đô. Theo đó, việc tham vấn được thực hiện linh hoạt thông qua hội nghị hoặc bằng văn bản trong quá trình soạn thảo, bảo đảm phù hợp với tính chất, nội dung của từng chính sách.</p> <p>Quy định đồng thời xác định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo trong việc tổ chức tham vấn đối với các chủ thể có liên quan, bao gồm Mặt trận Tổ quốc, các chuyên gia, nhà khoa học, các cơ quan chuyên môn và đặc biệt là đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách. Đây là nội dung cụ thể hóa yêu cầu của Luật Thủ đô về việc lấy ý kiến rộng rãi, bảo đảm tính công khai, minh bạch và nâng cao chất lượng chính sách.</p> <p>Đối với trường hợp văn bản là nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố, việc bắt buộc tham vấn các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố nhằm tăng cường sự phối hợp, bảo đảm chất lượng thẩm tra và tính khả thi của chính sách ngay từ giai đoạn soạn thảo. Quy định này góp phần bảo đảm quy trình xây dựng văn bản chặt chẽ, đúng pháp luật, vừa phát huy trí tuệ tập thể và sự đồng thuận xã hội.</p> <p>Khoản 2 Điều 7 quy định về việc tham vấn cơ quan, tổ chức ở Trung ương trong quá trình xây dựng dự thảo văn bản, nhằm cụ thể hóa yêu cầu tại điểm d khoản 3 Điều 8 Luật Thủ đô về việc tham vấn với cơ quan có</p>

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	<p>a) Văn bản quy phạm pháp luật có nội dung khác luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc chưa có quy định của pháp luật, cơ quan chủ trì soạn thảo tham vấn ý kiến của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan đến nội dung văn bản;</p> <p>b) Văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung khác hoặc chưa có quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan soạn thảo tham vấn ý kiến của bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan đến nội dung văn bản.</p>	<p>thẩm quyền ở Trung ương đối với các nội dung chính sách quan trọng.</p> <p>Theo đó, đối với các trường hợp dự thảo văn bản có nội dung khác với luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc đối với những vấn đề chưa được pháp luật quy định, việc tham vấn ý kiến các cơ quan của Quốc hội, bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan là cần thiết để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và sự thống nhất của hệ thống pháp luật. Tương tự, đối với các nội dung khác hoặc chưa có quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, việc tham vấn các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực ở Trung ương nhằm bảo đảm tính phù hợp về chuyên môn, tránh chồng chéo, xung đột trong tổ chức thực hiện.</p> <p>Quy định này có ý nghĩa quan trọng trong việc thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa Thành phố và các cơ quan Trung ương ngay từ giai đoạn xây dựng chính sách, qua đó vừa phát huy tính chủ động, sáng tạo của Thủ đô theo cơ chế đặc thù, vừa bảo đảm sự kiểm soát, thống nhất trong hệ thống pháp luật quốc gia.</p>
	<p>3. Hồ sơ tham vấn gồm dự thảo các tài liệu sau đây:</p> <p>a) Tờ trình;</p> <p>b) Dự thảo văn bản;</p> <p>c) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến chính sách;</p> <p>d) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách;</p>	<p>Khoản 3 Điều 7 quy định thành phần hồ sơ tham vấn chính sách nhằm cụ thể hóa yêu cầu tại điểm d khoản 3 Điều 8 Luật Thủ đô về việc tổ chức tham vấn, lấy ý kiến đối với dự thảo văn bản trên cơ sở cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ việc góp ý.</p> <p>Theo đó, hồ sơ tham vấn được thiết kế toàn diện, bao gồm các tài liệu như tờ trình, dự thảo văn bản, báo cáo tổng kết thực tiễn, báo cáo đánh giá tác động chính sách và báo cáo rà soát cơ sở chính trị, pháp lý. Đồng thời, bổ</p>

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	đ) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách, dự thảo văn bản;	sung các tài liệu phục vụ đánh giá về thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền, cũng như tác động đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phù hợp với định hướng phát triển của Thủ đô.
	e) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có)	Việc quy định đầy đủ thành phần hồ sơ tham vấn nhằm bảo đảm các cơ quan, tổ chức, cá nhân được tham vấn có đủ căn cứ để nghiên cứu, cho ý kiến một cách toàn diện, có chất lượng; qua đó nâng cao tính minh bạch, tính khoa học và tính khả thi của chính sách. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để tăng cường trách nhiệm giải trình của cơ quan soạn thảo trong quá trình hoàn thiện dự thảo văn bản.
	g) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo.	
	h) Tài liệu khác có liên quan (nếu có).	
	4. Tại hội nghị tham vấn, lãnh đạo cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết trình và giải trình các vấn đề liên quan đến chính sách. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến tham vấn và xây dựng văn bản tổng hợp kết quả tham vấn dự thảo văn bản, trong đó phải nêu rõ quan điểm của cơ quan, tổ chức, cá nhân được tham vấn.	Khoản 4 Điều 7 quy định trách nhiệm cơ quan chủ trì soạn thảo trong tổ chức hội nghị tham vấn và tiếp thu, giải trình ý kiến, nhằm cụ thể hóa yêu cầu tại điểm d khoản 3 Điều 8 Luật Thủ đô về việc tham vấn, tiếp thu, giải trình ý kiến đối với dự thảo văn bản.  Theo đó, việc yêu cầu lãnh đạo cơ quan chủ trì trực tiếp thuyết trình, giải trình tại hội nghị tham vấn nhằm nâng cao trách nhiệm, bảo đảm các nội dung chính sách được trình bày đầy đủ, rõ ràng và kịp thời làm rõ các vấn đề còn có ý kiến khác nhau. Đồng thời, quy định trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến tham vấn và xây dựng văn bản tổng hợp, trong đó nêu rõ quan điểm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân được tham vấn, góp phần bảo đảm tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quá trình xây dựng chính sách.  Quy định này có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao chất lượng tham vấn, tránh hình thức, đồng thời tạo cơ sở để cơ quan có thẩm quyền xem xét, đánh giá toàn

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
		<p>diện các ý kiến trước khi quyết định ban hành văn bản, phù hợp với yêu cầu kiểm soát quyền lực và nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật theo Luật Thủ đô.</p>
	<p><b>Điều 8. Lấy ý kiến, truyền thông, đăng tải dự thảo văn bản</b></p>	
	<p>1. Trong quá trình soạn thảo văn bản, cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm lấy ý kiến về dự thảo văn bản; truyền thông chính sách hoặc dự thảo văn bản; đăng tải dự thảo văn bản trên công hoặc trang thông tin điện tử theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Hồ sơ lấy ý kiến, hồ sơ đăng tải dự thảo văn bản thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết này.</p>	<p>Điều 8 quy định về việc lấy ý kiến, truyền thông và đăng tải dự thảo văn bản nhằm cụ thể hóa yêu cầu tại điểm d khoản 3 Điều 8 Luật Thủ đô về việc lấy ý kiến, truyền thông chính sách, công khai dự thảo và nội dung tiếp thu, giải trình trong quá trình xây dựng văn bản.</p> <p>Theo đó, dự thảo Nghị quyết xác định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo trong việc tổ chức lấy ý kiến, thực hiện truyền thông chính sách và đăng tải dự thảo văn bản trên công hoặc trang thông tin điện tử theo quy định. Việc quy định thống nhất hồ sơ lấy ý kiến và hồ sơ đăng tải theo khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết nhằm bảo đảm tính đồng bộ, đầy đủ thông tin phục vụ quá trình góp ý.</p>
	<p>2. Việc lấy ý kiến chính sách, dự thảo văn bản được tổ chức theo các hình thức phù hợp, bảo đảm sự tham gia của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản.</p>	<p>Theo đó, dự thảo Nghị quyết xác định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo trong việc tổ chức lấy ý kiến, thực hiện truyền thông chính sách và đăng tải dự thảo văn bản trên công hoặc trang thông tin điện tử theo quy định. Việc quy định thống nhất hồ sơ lấy ý kiến và hồ sơ đăng tải theo khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết nhằm bảo đảm tính đồng bộ, đầy đủ thông tin phục vụ quá trình góp ý.</p>
	<p>3. Cơ quan soạn thảo có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức liên quan, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và thực hiện việc đăng tải công khai bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên công hoặc trang thông tin điện tử theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p>	<p>Bên cạnh đó, quy định yêu cầu việc lấy ý kiến phải được tổ chức bằng các hình thức phù hợp, bảo đảm sự tham gia thực chất của đối tượng chịu tác động trực tiếp của văn bản, qua đó nâng cao chất lượng và tính khả thi của chính sách. Đồng thời, cơ quan soạn thảo có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến và công khai nội dung này, góp phần tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và kiểm soát quyền lực trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>Quy định này tạo cơ chế công khai, minh bạch xuyên suốt từ khâu xây dựng đến hoàn thiện chính sách, bảo đảm các cơ chế đặc thù của Thủ đô được xây dựng trên</p>

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
		cơ sở đồng thuận xã hội và có chất lượng cao.
Khoản 6 Điều 9 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 quy định: “6. Việc xây dựng, ban hành nghị quyết thí điểm cơ chế, chính sách thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 8 của Luật này”.	<b>Điều 9. Xây dựng nghị quyết thí điểm cơ chế, chính sách</b>	
	1. Việc xây dựng nghị quyết thí điểm cơ chế, chính sách theo quy định tại Điều 9 của Luật Thủ đô ( <i>sau đây gọi là nghị quyết thí điểm</i> ) được thực hiện theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật và phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:	Khoản 1 Điều 9 quy định về yêu cầu xây dựng nghị quyết thí điểm cơ chế, chính sách nhằm cụ thể hóa khoản 6 Điều 9 Luật Thủ đô, theo đó việc xây dựng, ban hành nghị quyết thí điểm phải tuân thủ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 8 của Luật Thủ đô về trình tự, thủ tục và yêu cầu trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.
	a) Áp dụng đối với những vấn đề mới, chưa được pháp luật điều chỉnh hoặc cần cơ chế, chính sách vượt trội, khác với quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội;	Trên cơ sở đó, quy định này làm rõ các điều kiện đặc thù đối với chính sách thí điểm. Cụ thể, việc thí điểm chỉ áp dụng đối với những vấn đề mới, chưa được pháp luật điều chỉnh hoặc cần cơ chế, chính sách vượt trội, khác với quy định hiện hành, bảo đảm đúng phạm vi cho phép của Luật Thủ đô. Đồng thời, yêu cầu bảo đảm nguồn lực thực hiện là điều kiện tiên quyết nhằm nâng cao tính khả thi của chính sách thí điểm.
	b) Bảo đảm đủ nguồn lực để thực hiện thí điểm;	
	c) Bảo đảm có cơ chế theo dõi, kiểm soát, giám sát, đánh giá, biện pháp quản trị rủi ro trong quá trình thực hiện thí điểm;	Bên cạnh đó, quy định về cơ chế theo dõi, giám sát, đánh giá trong quá trình thực hiện và việc xác định rõ tiêu chí đánh giá hiệu quả, điều kiện nhân rộng hoặc chấm dứt thí điểm là nội dung cụ thể hóa yêu cầu về kiểm soát, đánh giá chính sách theo Luật Thủ đô. Qua đó, bảo đảm các cơ chế thí điểm được triển khai trong khuôn khổ kiểm soát chặt chẽ, có cơ sở tổng kết thực tiễn và làm căn cứ hoàn thiện pháp luật.
d) Xác định rõ tiêu chí đánh giá hiệu quả và điều kiện nhân rộng hoặc chấm dứt thí điểm.		
	2. Tờ trình đăng ký xây dựng nghị quyết thí điểm, tờ trình dự thảo nghị quyết thí điểm gồm các nội dung theo quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này và các nội dung sau đây:	Khoản 2 Điều 8 quy định bổ sung nội dung tờ trình đăng ký xây dựng nghị quyết thí điểm, tờ trình dự thảo nghị quyết thí điểm trên cơ sở kế thừa quy định chung tại Điều 5 của Nghị quyết và cụ thể hóa yêu cầu của Luật
	a) Nội dung thực hiện thí điểm, nêu rõ cơ sở và lý do của việc	

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	<p>thực hiện thí điểm;</p> <p>b) Phạm vi thí điểm, bao gồm địa bàn, đối tượng và lĩnh vực thực hiện thí điểm;</p> <p>c) Thời gian thực hiện thí điểm và lộ trình triển khai thực hiện;</p>	<p>Thủ đô đối với việc đề xuất chính sách thí điểm.</p> <p>Theo đó, ngoài các nội dung chung, tờ trình phải làm rõ nội dung thí điểm, cơ sở và lý do thực hiện nhằm chứng minh sự cần thiết và tính phù hợp của việc áp dụng cơ chế, chính sách vượt trội hoặc chưa được pháp luật điều chỉnh. Đồng thời, việc xác định rõ phạm vi thí điểm về địa bàn, đối tượng và lĩnh vực là cơ sở để khoanh vùng chính sách, bảo đảm kiểm soát rủi ro và đánh giá chính xác tác động.</p> <p>Bên cạnh đó, quy định yêu cầu xác định thời gian thực hiện và lộ trình triển khai thí điểm nhằm bảo đảm tính khả thi, có kế hoạch tổ chức thực hiện cụ thể và làm căn cứ cho việc theo dõi, đánh giá, tổng kết, quyết định nhân rộng hoặc chấm dứt thí điểm.</p> <p>Bên cạnh đó, Tờ trình phải bao gồm nội dung về đánh giá sự phù hợp của cơ chế, chính sách thí điểm quy định tại khoản 2 Điều 9 của Luật Thủ đô. Quy định này nhằm cụ thể hóa yêu cầu của Luật Thủ đô về việc triển khai các cơ chế, chính sách thí điểm phải bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, không trái điều ước quốc tế; không làm ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; không hạn chế quyền con người, quyền công dân; đồng thời bảo đảm công khai, minh bạch và môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng.</p>
	<p>d) Đánh giá sự phù hợp của cơ chế, chính sách thí điểm với quy định tại khoản 2 Điều 9 của Luật Thủ đô.</p>	<p>Quy định này góp phần nâng cao chất lượng đề xuất chính sách thí điểm, bảo đảm các cơ chế đặc thù của Thủ đô được chuẩn bị chặt chẽ, có trọng tâm, trọng điểm và có khả năng kiểm soát trong quá trình thực hiện.</p>

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	3. Báo cáo đánh giá tác động của chính sách ngoài các nội dung theo quy định tại Điều 6 của Nghị quyết này và những nội dung đánh giá sau:	<p>Khoản 3 Điều 9 quy định bổ sung nội dung Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nghị quyết thí điểm, trên cơ sở kế thừa quy định chung tại Điều 5 của Nghị quyết và cụ thể hóa yêu cầu của Luật Thủ đô về việc kiểm soát chặt chẽ các cơ chế, chính sách thí điểm.</p> <p>Theo đó, ngoài các nội dung đánh giá chung, báo cáo phải làm rõ kết quả dự kiến đạt được của chính sách thí điểm nhằm xác định mục tiêu cụ thể và tiêu chí đánh giá hiệu quả. Đồng thời, việc yêu cầu xây dựng cơ chế kiểm soát rủi ro, phương án xử lý tác động tiêu cực và biện pháp xử lý sau khi kết thúc thí điểm nhằm bảo đảm chính sách được triển khai trong “giới hạn an toàn”, có phương án ứng phó kịp thời với các tình huống phát sinh.</p> <p>Bên cạnh đó, quy định về bảo đảm nguồn lực thực hiện là điều kiện quan trọng để nâng cao tính khả thi của thí điểm; đồng thời, việc đánh giá tác động kinh tế - xã hội đối với vùng và quốc gia trong trường hợp chính sách có ảnh hưởng liên vùng nhằm bảo đảm sự phù hợp với vai trò, vị trí của Thủ đô trong liên kết, phát triển vùng theo Luật Thủ đô.</p> <p>Quy định này góp phần nâng cao chất lượng đánh giá chính sách thí điểm theo hướng toàn diện, có kiểm soát, bảo đảm các cơ chế đặc thù của Thủ đô vừa mang tính đột phá, vừa được chuẩn bị đầy đủ về điều kiện thực hiện và khả năng tổng kết, nhân rộng trong thực tiễn.</p>
	a) Về kết quả dự kiến đạt được khi thực hiện thí điểm;	
	b) Cơ chế kiểm soát, quản trị rủi ro và phương án xử lý khi phát sinh tác động tiêu cực;	
	c) Về biện pháp xử lý sau khi thực hiện thí điểm;	
	d) Việc bảo đảm nguồn lực thực hiện thí điểm;	
	e) Tác động kinh tế - xã hội vùng, quốc gia trong trường hợp thí điểm cơ chế, chính sách có tác động đến vùng Thủ đô.	
	4. Trình tự, thủ tục đề xuất thí điểm cơ chế, chính sách được thực hiện như sau:	<p>Khoản 4 Điều 9 quy định trình tự, thủ tục đề xuất thí điểm cơ chế, chính sách nhằm cụ thể hóa khoản 6 Điều 9 và các yêu cầu tại khoản 3 Điều 8 Luật Thủ đô về việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật đối với</p>
	a) Cơ quan chủ trì đề xuất xây dựng nghị quyết thí điểm tổ chức khảo sát thực tiễn, tổng kết mô hình tương tự (nếu có)	

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	<p>và lập hồ sơ đề xuất xây dựng nghị quyết theo quy định;</p> <p>b) Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, tập trung vào đối tượng chịu tác động trực tiếp tại địa bàn, lĩnh vực dự kiến thí điểm; lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan trong trường hợp thí điểm cơ chế, chính sách có tác động đến vùng Thủ đô;</p> <p>c) Nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện hồ sơ;</p> <p>d) Lấy ý kiến của cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực ở trung ương có liên quan đến nội dung thí điểm;</p> <p>đ) Trình Ủy ban nhân dân Thành phố hồ sơ đề xuất gồm dự thảo tờ trình đăng ký xây dựng nghị quyết, dự thảo báo cáo đánh giá tác động của cơ chế, chính sách thí điểm để xem xét, quyết định, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố chấp thuận đề nghị về việc xây dựng nghị quyết thí điểm.</p> <p>5. Trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành nghị quyết thí điểm được thực hiện theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật và quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 8 của Nghị quyết này.</p>	<p>các cơ chế đặc thù.</p> <p>Theo đó, quy trình đề xuất được thiết kế theo hướng chặt chẽ, có tính kiểm soát ngay từ giai đoạn chuẩn bị chính sách. Việc yêu cầu khảo sát thực tiễn, tổng kết mô hình tương tự nhằm bảo đảm cơ sở thực tiễn của đề xuất; đồng thời, việc tổ chức lấy ý kiến rộng rãi, đặc biệt đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp và các địa phương liên quan trong trường hợp có tác động đến vùng Thủ đô, là nội dung cụ thể hóa yêu cầu tham vấn theo Luật Thủ đô.</p> <p>Bên cạnh đó, quy định về việc tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện hồ sơ nhằm bảo đảm tính minh bạch, trách nhiệm giải trình trong xây dựng chính sách. Lấy ý kiến cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực ở Trung ương là cơ chế kiểm soát cần thiết để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và sự thống nhất của hệ thống pháp luật.</p> <p>Việc trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố chấp thuận chủ trương xây dựng nghị quyết thí điểm thể hiện rõ quy trình thực hiện giữa các cơ quan trong hệ thống chính quyền địa phương. Quy định này góp phần bảo đảm các đề xuất thí điểm được chuẩn bị kỹ lưỡng, có căn cứ thực tiễn, được kiểm soát nhiều tầng và phù hợp với thẩm quyền theo Luật Thủ đô trước khi trình ban hành.</p> <p>Khoản 5 Điều 9 quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành nghị quyết thí điểm theo hướng dẫn chiểu, bảo đảm tuân thủ thống nhất quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các quy định cụ thể tại Điều 6, Điều 7 và Điều 8 của Nghị quyết. Quy định này nhằm cụ thể hóa khoản 6 Điều 9 Luật Thủ đô số</p>

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
		<p>02/2026/QH16, theo đó việc xây dựng, ban hành nghị quyết thí điểm phải thực hiện theo quy trình chung, đồng thời đáp ứng các yêu cầu đặc thù về đánh giá tác động chính sách, tham vấn, lấy ý kiến, truyền thông và công khai dự thảo văn bản.</p> <p>Việc dẫn chiếu đến các quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 8 giúp bảo đảm quy trình xây dựng nghị quyết thí điểm được thực hiện đầy đủ, chặt chẽ từ khâu đánh giá tác động, tham vấn, lấy ý kiến đến công khai, tiếp thu, giải trình, qua đó nâng cao chất lượng chính sách và bảo đảm tính minh bạch, trách nhiệm giải trình.</p>
	<p>6. Việc xin ý kiến cấp có thẩm quyền được thực hiện theo các quy định của Đảng. Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm tổ chức tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến của cấp có thẩm quyền trước khi hoàn thiện hồ sơ trình đề nghị ban hành nghị quyết thí điểm.</p>	<p>Khoản 6 Điều 8 quy định về việc xin ý kiến cấp có thẩm quyền của Đảng trong quá trình xây dựng nghị quyết thí điểm, nhằm bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với việc ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù của Thủ đô. Quy định này phù hợp với nguyên tắc tại Điều 3 của Nghị quyết và yêu cầu thực tiễn đối với các chính sách thí điểm có tính chất mới, phức tạp, thậm chí có nội dung khác với quy định hiện hành của pháp luật.</p> <p>Theo đó, việc xin ý kiến được thực hiện theo quy định của Đảng, bảo đảm đúng quy trình, thẩm quyền; đồng thời giao Ủy ban nhân dân Thành phố trách nhiệm tổ chức tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến của cấp có thẩm quyền của Đảng trước khi hoàn thiện hồ sơ trình ban hành nghị quyết thí điểm. Quy định này góp phần bảo đảm các chính sách thí điểm được xem xét toàn diện cả về chính trị và pháp lý, nâng cao chất lượng, tính thống nhất và khả năng tổ chức thực hiện, đồng thời tăng cường trách nhiệm giải trình trong quá trình xây dựng chính sách.</p>
	<p>7. Nghị quyết thí điểm phải bảo đảm các nội dung theo quy</p>	<p>Khoản 7 Điều 9 quy định yêu cầu nghị quyết thí điểm</p>

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 9 của Luật Thủ đô.	<p>phải bảo đảm các nội dung theo khoản 4 và khoản 5 Điều 9 Luật Thủ đô, nhằm cụ thể hóa đầy đủ khuôn khổ pháp lý đối với việc ban hành cơ chế, chính sách thí điểm của Thủ đô.</p> <p>Theo đó, nghị quyết thí điểm phải xác định rõ các nội dung cốt lõi như mục tiêu, phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian, địa bàn thí điểm; dự kiến kết quả, tác động; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các chủ thể liên quan; cơ chế quản trị rủi ro, giám sát, đánh giá; điều kiện, trình tự điều chỉnh, gia hạn hoặc chấm dứt thí điểm theo quy định tại khoản 4 Điều 9 của Luật Thủ đô. Đồng thời, việc bảo đảm các yêu cầu theo khoản 5 Điều 9 (liên quan đến trách nhiệm tổ chức thực hiện, đánh giá, tổng kết và kiến nghị hoàn thiện pháp luật) nhằm bảo đảm quá trình thí điểm được triển khai có kiểm soát, có tổng kết thực tiễn và gắn với việc hoàn thiện hệ thống pháp luật.</p>
	<p>8. Nội dung thẩm định, thẩm tra nghị quyết thí điểm được thực hiện theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật và những nội dung sau:</p> <p>a) Sự cần thiết phải thí điểm;</p> <p>b) Tính khả thi và khả năng kiểm soát trong phạm vi thực hiện thí điểm;</p> <p>c) Điều kiện bảo đảm thực hiện thí điểm;</p> <p>d) Cơ chế giám sát, đánh giá việc thực hiện thí điểm.</p>	<p>Khoản 8 Điều 9 quy định bổ sung nội dung thẩm định, thẩm tra đối với nghị quyết thí điểm, trên cơ sở kế thừa quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật và cụ thể hóa yêu cầu kiểm soát chặt chẽ đối với cơ chế, chính sách thí điểm theo Luật Thủ đô.</p> <p>Theo đó, ngoài các nội dung thẩm định, thẩm tra chung, quy định yêu cầu đánh giá về sự cần thiết phải thí điểm nhằm bảo đảm chính sách chỉ được triển khai khi thực sự cần thiết, có cơ sở thực tiễn rõ ràng. Đồng thời, việc xem xét tính khả thi và khả năng kiểm soát trong phạm vi thí điểm là nội dung quan trọng để bảo đảm chính sách được thực hiện trong “giới hạn an toàn”, tránh phát sinh rủi ro ngoài tầm kiểm soát.</p> <p>Bên cạnh đó, yêu cầu đánh giá điều kiện bảo đảm thực</p>

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
		<p>hiện thí điểm, bao gồm nguồn lực, tổ chức thực hiện và các yếu tố liên quan, nhằm nâng cao tính khả thi của chính sách. Đồng thời, việc xem xét cơ chế giám sát, đánh giá trong quá trình thực hiện là cơ sở để bảo đảm chính sách được theo dõi, kiểm soát chặt chẽ, kịp thời điều chỉnh khi cần thiết và phục vụ tổng kết, nhân rộng.</p> <p>Quy định này góp phần nâng cao chất lượng công tác thẩm định, thẩm tra, bảo đảm các nghị quyết thí điểm của Thủ đô vừa có tính đột phá, vừa được kiểm soát toàn diện về rủi ro, điều kiện thực hiện và hiệu quả chính sách, phù hợp với yêu cầu của Luật Thủ đô.</p>
<p>Khoản 5 Điều 8 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 quy định: “5. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định việc ban hành nghị quyết quy phạm pháp luật để quyết định lựa chọn áp dụng pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật này. Nội dung nghị quyết lựa chọn áp dụng pháp luật phải xác định rõ quy định của văn bản quy phạm pháp luật được lựa chọn áp dụng thay cho quy định của Luật Thủ đô hoặc văn bản thi hành Luật Thủ đô, phạm vi, đối tượng được áp dụng, thời điểm áp dụng, quy định chuyển tiếp (nếu có).”</p>	<p><b>Điều 10. Trình tự, thủ tục xây dựng nghị quyết lựa chọn áp dụng pháp luật</b></p> <p>1. Việc đăng ký xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố để quyết định lựa chọn áp dụng pháp luật theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật Thủ đô (sau đây gọi là nghị quyết lựa chọn áp dụng pháp luật) được thực hiện theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật và quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố.</p> <p>Nội dung văn bản đăng ký xây dựng nghị quyết phải nêu rõ sự cần thiết, tính hợp lý, khả thi và lợi ích, hiệu quả của việc lựa chọn áp dụng pháp.</p>	<p>Khoản 1 Điều 10 quy định về việc đăng ký xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố để quyết định lựa chọn áp dụng pháp luật, nhằm cụ thể hóa khoản 5 Điều 8 Luật Thủ đô. Theo đó, việc đăng ký xây dựng nghị quyết được thực hiện theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật và quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố, bảo đảm tính thống nhất trong quy trình xây dựng văn bản.</p> <p>Đồng thời, quy định yêu cầu nội dung đăng ký phải nêu rõ sự cần thiết, tính hợp lý, lợi ích của việc lựa chọn áp dụng pháp luật và dự kiến hiệu quả đạt được, qua đó làm rõ cơ sở chính sách cho việc lựa chọn áp dụng quy định pháp luật khác. Đây là bước chuẩn bị quan trọng nhằm bảo đảm việc đề xuất nghị quyết phù hợp với yêu cầu của Luật Thủ đô, trong đó nghị quyết phải xác định rõ quy định được lựa chọn áp dụng, phạm vi, đối tượng,</p>

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	<p>2. Thành phần, nội dung hồ sơ nghị quyết lựa chọn áp dụng pháp luật bao gồm:</p> <p>a) Tờ trình;</p> <p>b) Dự thảo nghị quyết;</p> <p>c) Chỉ đạo triển khai trách nhiệm kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình khi thi</p> <p>d) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo nghị quyết;</p> <p>đ) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo;</p> <p>e) Tài liệu khác (nếu có).</p> <p>3. Việc lấy ý kiến góp ý, phản biện xã hội, đăng tải hồ sơ dự thảo nghị quyết và nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với dự thảo văn bản được thực hiện theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p>	<p>thời điểm áp dụng và các nội dung liên quan.</p> <p>Khoản 2 Điều 10 quy định về thành phần, nội dung hồ sơ nghị quyết lựa chọn áp dụng pháp luật nhằm cụ thể hóa khoản 5 Điều 8 Luật Thủ đô, bảo đảm việc đề xuất và ban hành nghị quyết được chuẩn bị đầy đủ, có cơ sở pháp lý và thực tiễn.</p> <p>Theo đó, hồ sơ được thiết kế gồm các tài liệu tờ trình, dự thảo nghị quyết, báo cáo tổng kết thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội, cùng với bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo. Đây là các tài liệu cần thiết để làm rõ căn cứ lựa chọn áp dụng quy định pháp luật khác, đánh giá sự cần thiết, tính hợp lý và tác động của chính sách. Đồng thời, việc cho phép bổ sung các tài liệu khác (nếu có) nhằm bảo đảm tính linh hoạt, phù hợp với từng nội dung cụ thể.</p> <p>Quy định này góp phần bảo đảm cơ quan có thẩm quyền có đầy đủ thông tin để xem xét, quyết định việc lựa chọn áp dụng pháp luật, đồng thời nâng cao chất lượng, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quá trình xây dựng nghị quyết, phù hợp với yêu cầu của Luật Thủ đô về xác định rõ nội dung, phạm vi, đối tượng và điều kiện áp dụng của nghị quyết lựa chọn áp dụng pháp luật.</p> <p>Khoản 3 Điều 10 quy định về việc lấy ý kiến góp ý, phản biện xã hội, đăng tải hồ sơ dự thảo nghị quyết và công khai nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, nhằm bảo đảm tính thống nhất về quy trình xây dựng văn bản.</p> <p>Quy định này đồng thời cụ thể hóa yêu cầu tại điểm d khoản 3 Điều 8 Luật Thủ đô về việc lấy ý kiến, phản</p>

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
		<p>biện xã hội, truyền thông và công khai dự thảo, cũng như nội dung tiếp thu, giải trình. Qua đó, bảo đảm sự tham gia rộng rãi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đặc biệt là đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách, góp phần nâng cao chất lượng và tính khả thi của nghị quyết.</p>
	<p>4. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan soạn thảo được áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành nghị quyết lựa chọn áp dụng pháp luật theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p>	<p>Khoản 4 Điều 10 quy định về việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành nghị quyết lựa chọn áp dụng pháp luật trong trường hợp cần thiết, trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Quy định này nhằm tạo cơ chế linh hoạt, kịp thời xử lý các tình huống phát sinh trong thực tiễn khi cần lựa chọn áp dụng quy định pháp luật phù hợp hơn để đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành của Thủ đô.</p>
	<p>5. Nội dung nghị quyết lựa chọn áp dụng pháp luật phải xác định rõ quy định của văn bản quy phạm pháp luật được lựa chọn áp dụng thay cho quy định của Luật Thủ đô hoặc văn bản thi hành Luật Thủ đô, phạm vi, đối tượng được áp dụng, quy định chuyển tiếp (nếu có).</p>	<p>Khoản 5 Điều 10 quy định về nội dung của nghị quyết lựa chọn áp dụng pháp luật, nhằm cụ thể hóa trực tiếp khoản 5 Điều 8 Luật Thủ đô. Theo đó, nghị quyết phải xác định rõ quy định của văn bản quy phạm pháp luật được lựa chọn áp dụng thay cho quy định của Luật Thủ đô hoặc văn bản thi hành Luật Thủ đô, đồng thời làm rõ phạm vi, đối tượng áp dụng và quy định chuyển tiếp (nếu có).</p> <p>Quy định này có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm tính minh bạch, rõ ràng và khả thi của chính sách, tránh tình trạng áp dụng pháp luật tùy nghi hoặc không thống nhất. Việc xác định cụ thể các nội dung nêu trên là cơ sở để các cơ quan, tổ chức, cá nhân áp dụng đúng và thống nhất, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện.</p> <p>Qua đó, quy định góp phần bảo đảm cơ chế lựa chọn áp</p>

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	<p>6. Việc thẩm định, thẩm tra, thông qua dự thảo nghị quyết được thực hiện theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p>	<p>dụng pháp luật của Thủ đô được thực hiện chặt chẽ, đúng thẩm quyền, phát huy tính linh hoạt nhưng vẫn trong khuôn khổ kiểm soát, phù hợp với yêu cầu của Luật Thủ đô.</p> <p>Khoản 6 Điều 10 quy định việc thẩm định, thẩm tra, thông qua dự thảo nghị quyết lựa chọn áp dụng pháp luật được thực hiện theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, nhằm bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và quy trình xây dựng văn bản.</p> <p>Quy định này đồng thời cụ thể hóa khoản 5 Điều 8 Luật Thủ đô theo hướng không đặt ra quy trình riêng, mà kế thừa đầy đủ các quy định hiện hành về thẩm định, thẩm tra và thông qua văn bản, bảo đảm kiểm soát chặt chẽ về tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất và tính khả thi của nghị quyết.</p>
	<p><b>Chương III</b> <b>ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b></p>	
	<p><b>Điều 11. Tổ chức thực hiện</b></p>	<p>Điều 11 quy định về tổ chức thực hiện Nghị quyết, nhằm bảo đảm phân công rõ trách nhiệm và thiết lập cơ chế giám sát trong quá trình thi hành, phù hợp với Luật Thủ đô.</p>
	<p>1. Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này và có trách nhiệm thực hiện các quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 33 của Luật Thủ đô trong quá trình tổ chức thi hành Nghị quyết này.</p>	<p>Theo đó, Ủy ban nhân dân Thành phố được giao là cơ quan tổ chức thực hiện, đồng thời có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 33 của Luật Thủ đô trong quá trình triển khai, bảo đảm việc thi hành Nghị quyết đúng thẩm quyền, hiệu quả và có kiểm soát.</p>
	<p>2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.</p>	

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	<p>3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thành phố Hà Nội tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.</p>	<p>Bên cạnh đó, quy định xác định rõ vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân Thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố nhằm bảo đảm việc thực hiện Nghị quyết được theo dõi chặt chẽ, kịp thời phát hiện, xử lý các vướng mắc phát sinh.</p> <p>Đồng thời, việc đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tham gia giám sát thể hiện cơ chế giám sát xã hội, góp phần tăng cường tính công khai, minh bạch và đồng thuận trong quá trình thực hiện. Quy định này tạo cơ chế phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị, bảo đảm Nghị quyết được triển khai nghiêm túc, hiệu quả và đúng định hướng của Luật Thủ đô.</p>
	<p><b>Điều 12. Hiệu lực thi hành và quy định chuyển tiếp</b></p>	
	<p>1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày... tháng... năm 2026, trừ trường hợp quy định tại Điều 9 của Nghị quyết này.</p> <p>2. Quy định tại Điều 9 của Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.</p>	<p>Quy định thời điểm có hiệu lực của Nghị quyết</p>